

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 17/5/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ  
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Xuân Hương.  
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Cao Thắng và bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh;  
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Diện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2021 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 21 đường V, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

\* Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1977 và bà Lê Thị Lan Ph, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố B, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/11/2021, trong trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

1. Ngày 02/01/2021, vợ chồng ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph đã thỏa thuận vay ông Nguyễn Văn Đ số tiền 95.000.000 đồng và cam kết sau ngày 16/6/2021 phải trả cho ông Đ 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn nhưng ông T và bà Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ như đã thỏa thuận nêu trên.

2. Ngày 16/4/2021, vợ chồng ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph vay ông Nguyễn Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng và thỏa thuận trả tổng cả gốc và lãi góp 12.000.000 đồng. Trả dần, mỗi ngày 50.000 đồng, kể từ ngày 17/4/2022 cho đến khi trả đủ. Tuy nhiên, ông T và bà Ph không thực hiện nghĩa vụ trả tiền số tiền trên cho ông Đ

theo thỏa thuận. Nay, ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph có nghĩa vụ trả nợ hai khoản vay nêu trên cho ông Đ với tổng số tiền là: **110.000.000 đồng**. Bao gồm: 100.000.000 đồng đối với Giấy thỏa thuận vay tiền” đề 02/01/2021; 10.000.000 đồng đối với Giấy vay tiền đề ngày 16/4/2021 và tiền lãi suất 1%/tháng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến khi kết thúc vụ án là 6 tháng (16/11/2021 đến 17/5/2022) là 6.600.000 đồng.

Bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không hòa giải được.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu:** Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu nên Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ: Buộc ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền nợ **110.000.000 đồng** theo các giấy vay tiền lập ngày đề 02/01/2021 và 5.500.000 đồng tiền lãi suất tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử (lãi suất 10%/ năm). Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đ đối với số tiền 1.100.000 đồng về lãi suất do vượt quá mức lãi suất theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Giấy thỏa thuận vay tiền lập ngày 02/01/2021, giữa bên vay: Vợ chồng ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph với bên cho vay ông Nguyễn Văn Đ, phần chữ viết do ông Nguyễn Văn Đ viết nội dung; ở phần người vay có chữ ký và ghi rõ họ tên

vợ Lê Thị Lan Ph, Nguyễn Trung T và điểm chỉ vân tay mực màu đỏ. Có nội dung: Vợ chồng tôi là Nguyễn Trung T và vợ Lê Thị Lan Ph thỏa thuận vay ông Đ số tiền 95.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, chậm nhất là ngày 16/6/2021 sẽ trả 5.000.000 đồng tiền lãi và vốn. Từ sau ngày 17/6/2021 phải trả lãi phạt nếu cố tình chậm. Ngoài ra còn có nội dung “Vợ chồng tôi đã nhận đủ tiền vay là 95.000.000 (Chín mươi lăm triệu). Đây là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi. Giấy vay tiền góp lập ngày 05/3/2021 (âm lịch) tức là ngày 16/4/2021 (dương lịch), giữa bên vay: vợ chồng ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph với bên cho vay ông Nguyễn Văn Đ, phần chữ viết về nội dung do ông Nguyễn Văn Đ viết; ở phần cuối ghi: “Người vay đồng ý giấy” và có chữ ký và ghi rõ họ tên vợ Lê Thị Lan Ph và Nguyễn Trung T. Có nội dung: Vợ chồng tôi là Lê Thị Lan Ph và Nguyễn Trung T thỏa thuận vay ông Nguyễn Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng, thống nhất gốc và lãi cộng lại là 12.000.000 đồng, trả theo ngày, mỗi ngày 50.000 đồng. Đây là hợp đồng vay tiền có tính lãi, theo hình thức gốc lãi cộng lại trả dần.

Như vậy cả 02 giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp đều có chữ ký, chữ viết họ và tên của ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph ở phần người vay và đảm bảo về hình thức, nội dung, tuân thủ quy định pháp luật.

Tính đến ngày 02/7/2021 đối với khoản vay ngày 02/01/2021 và ngày 17/4/2021 đối với khoản vay ngày 16/4/2021, ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông Đ yêu cầu ông T, bà Ph trả cho ông Đ 95.000.000 đồng nợ gốc theo Giấy thỏa thuận vay tiền lập ngày 02/01/2021 và 10.000.000 đồng đối với Giấy vay tiền góp lập ngày 16/4/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở để chấp nhận.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng lãi theo khoản vay 95.000.000 đồng ngày 02/01/2021. Các bên thỏa thuận với mức lãi suất 0,876%/ tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến khi kết thúc vụ án là 6 tháng (16/11/2021 đến 17/5/2022) là 6.600.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Do các hợp đồng vay tiền lập ngày 02/01/2021 và ngày 16/4/2021 có thỏa thuận lãi suất nhưng các bên chỉ thỏa thuận số tiền lãi mà không ấn định mức lãi suất cụ thể. *Theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.* Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến khi kết thúc vụ án là 6 tháng với mức lãi suất 10%/năm là  $110.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 6 \text{ tháng} = 5.500.000 \text{ đồng}$ . Không

chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 1.100.000 đồng.

Từ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng, có đủ cơ sở để chấp nhận một phần toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Trung T, bà Lê Thị Lan Ph trả cho ông Đ 110.000.000 đồng nợ gốc theo 02 giấy mượn tiền đề 02/01/2021 và ngày 16/4/2021 và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.500.000 đồng. Tổng cộng là: **115.500.000** (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không phải chịu án phí đối với khoản tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự, Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn Đ số tiền **110.000.000** (Một trăm mười triệu) đồng theo các giấy mượn tiền lập ngày 02/01/2021 và 16/4/2021 và 5.500.000 đồng tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm (từ 16/11/2021 đến 17/5/2022).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với số tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật là 1.100.000 đồng.

2. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Trung T và bà Lê Thị Lan Ph phải chịu 5.775.000 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nộp án phí cho ông Nguyễn Văn Đ đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng

*tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Thị Xuân Hương**